

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàn

Bà Hoàng Lệ Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 449/2023/TLST- HNGĐ ngày 05/12/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: số D đường số H, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến N, sinh năm 1978; địa chỉ địa chỉ thường trú: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: số D đường số H, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2023, bản tự khai ngày 15/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà T tự nguyện quen biết nhau rồi tiến tới hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà

Tĩnh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 28/05/2004. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, thực tế cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài. Nay bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 23/03/2005 (đã trưởng thành) và Nguyễn Duy M, sinh ngày 28/02/2010. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy M, sinh ngày 28/02/2010 và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tiến N trình bày: Ông N thống nhất với lời trình bày của bà T, ông N đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Duy M, sinh ngày 28/02/2010 cho bà T nuôi dưỡng và ông N không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông N không đồng ý ký tên vào biên bản lấy lời khai của Tòa án và cũng như các văn bản tố tụng khác của Tòa án với lý do bà T phải uỷ quyền lại toàn bộ đất ở Hà Tĩnh cho ông N thì ông N mới đồng ý ký vào các văn bản nêu trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N là trầm trọng, do đó cần giải quyết cho bà T và ông N ly hôn. Về con chung, cháu Nguyễn Duy M có nguyện vọng sống cùng bà T, do đó, cần giao cháu M cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vũ Thị T khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với ông Nguyễn Tiến N. Ông N có địa chỉ tạm trú tại số D đường số H, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Vũ Thị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Tiến N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng ông N vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tiến N và bà Vũ Thị T tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 28/05/2004 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 06 tháng nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T có đơn khởi kiện ly hôn ông N. Quá trình giải quyết vụ án, ông N thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng. Trước yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà T thì ông N đồng ý ly hôn, tuy nhiên, ông N yêu cầu bà T phải ký uỷ quyền lại toàn bộ đất đai ở Hà Tĩnh cho ông N thì ông N mới ký vào thỏa thuận ly hôn. Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Bà T và ông N xác định vợ chồng đã ly thân khoảng 06 tháng nay và hiện tại bà T không còn tình cảm với nhau. Đối chiếu quy định của pháp luật nêu trên thì mục đích hôn nhân giữa bà T và ông N không đạt được nên cần giải quyết cho bà T và ông N ly hôn, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong vụ án này, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó, trường hợp sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Tiến N và bà Vũ Thị T có 02 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 23/03/2005 (đã trưởng thành) và Nguyễn Duy M, sinh ngày 28/02/2010. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy M, sinh ngày 28/02/2010 và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, ông N đồng ý giao con chung cháu Nguyễn Duy M cho bà T nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, tại đơn trình bày tự nguyện của cháu Nguyễn Duy M thì cháu M có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà T. Do đó, cần giao cháu M cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T đối với ông Nguyễn Tiến N về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị T được ly hôn ông Nguyễn Tiến N.

- Về con chung: Bà Vũ Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy M, sinh ngày 28/02/2010. Ông Nguyễn Tiến N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Tiến N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Vũ Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Tiến N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Vũ Thị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001308, ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bà Vũ Thị T và ông Nguyễn Tiến N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân